

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện,  
UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Thực hiện Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hoá 123 Danh mục thủ tục hành chính (*Phụ lục I*) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2.** Giao Sở Văn hóa và Thể thao

1. Công khai Danh mục thủ tục hành chính này tại Điều 1 Quyết định này trên Trang thông tin điện tử, trụ sở làm việc và nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TTVPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh thực hiện đăng tải đầy đủ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, địa chỉ [www.ninhbinh.gov.vn](http://www.ninhbinh.gov.vn).

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định; công khai đầy đủ nội dung của thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: [dichvucong.gov.vn](http://dichvucong.gov.vn); Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: [dichvucong.ninhbinh.gov.vn](http://dichvucong.ninhbinh.gov.vn) theo quy định.

**Điều 3.** Bãi bỏ 125 thủ tục hành chính (*Phụ lục II*) tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo;
- Lưu: VT, VP6, VP7.

MT 07/VP 7/2023/KSTTHC-SVHTT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tổng Quang Thìn**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO,**  
**UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày        tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Ninh Bình)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

| STT                 | Tên thủ tục hành chính                                                  | Thời hạn giải quyết                               | Địa điểm thực hiện                | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|                     |                                                                         |                                                   |                                   |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Toàn trình              | Một phần |
| A. LĨNH VỰC VĂN HÓA |                                                                         |                                                   |                                   |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                         |          |
| A1. Di sản văn hóa  |                                                                         |                                                   |                                   |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                         |          |
| 1                   | Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia 2.001631.000.00.00.H42 | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không                | X                          | - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.<br>-Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010<br>-Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin. | X                       |          |

|   |                                                                                                                                                                                        |                                                     |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|   |                                                                                                                                                                                        |                                                     |                                   |       |   | -Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |
| 2 | Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương<br>1.003838.000.00.00.H42 | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.               | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ .</li> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |
| 3 | Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập<br>2.001613.000.00.00.H42                                                                           | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ.</li> </ul>                                                                                 | X |  |

|   |                                                                                   |                                                         |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|   |                                                                                   |                                                         |                                   |       |   | - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |   |  |
| 4 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập<br>1.003793.000.00.00.H42 | 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.              | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ .</li> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |
| 5 | Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp<br>2.001591.000.00.00.H42                | Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 200.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ .</li> </ul>                                                                                 | X |  |

|   |                                                                                                 |                                   |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |   |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|   |                                                                                                 |                                   |                                   |       |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ .hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                              |   |  |
| 6 | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia 1.003738.000.00.00.H42 | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12;</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ VHTT.</li> <li>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |

|   |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                          |              |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|
| 7 | <p>Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích 1.003646.000.00.00.H42</p> | <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>Không</p> | <p>X</p> | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> | <p>X</p> |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |  |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |  |  |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|

|   |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                          |              |          |                                                                                                                                                                                                                                                           |          |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|
|   |                                                                                                                                                                          | <p>xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.</p> |                                          |              |          |                                                                                                                                                                                                                                                           |          |  |
| 8 | <p>Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật<br/>1.003835.000.00.00.H42</p> | <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p>                                                                                                                                | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>Không</p> | <p>X</p> | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.<br/>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.<br/>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ.</p> | <p>X</p> |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  |  |                                                                                                        |  |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  |  | <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề</p> |  |  |  | <p>- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> |  |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |  |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa,</p> |  |  |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|

|    |                                                                                                             |                                                                                                           |                                            |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                             | Thể thao và Du lịch<br>trình Thủ tướng<br>Chính phủ xem xét,<br>quyết định công nhận<br>bảo vật quốc gia. |                                            |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |  |
| 9  | Thủ tục cấp Giấy chứng<br>nhận đủ điều kiện kinh<br>doanh giám định cổ vật<br>1.001106.000.00.00.H42        | 15 ngày làm việc kể<br>từ ngày nhận đủ hồ<br>sơ hợp lệ                                                    | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12;</li> <li>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018</li> </ul> | X |  |
| 10 | Thủ tục cấp lại giấy<br>chứng nhận đủ điều kiện<br>kinh doanh giám định cổ<br>vật<br>1.001123.000.00.00.H42 | 05 ngày làm việc kể<br>từ ngày nhận đủ hồ<br>sơ hợp lệ                                                    | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;</li> <li>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> </ul>                                                                           | X |  |

|    |                                                                                    |                                                                                              |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                    |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 11 | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích<br>1.001822.000.00.00.H42            | 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                              | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001;<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;<br>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. | X |  |
| 12 | Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích<br>1.002003.000.00.00.H42        | 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                              | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001;<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;<br>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. | X |  |
| 13 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích<br>1.003901.000.00.00.H42 | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001;<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;                                                               | X |  |

|    |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                      |       |   |                                                                                                                                                                                     |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                    | <p>hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> |                                                      |       |   | <p>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.</p>                           |   |  |
| 14 | <p>Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.</p> <p>2.001641.000.00.00.H42</p> | <p>- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ</p>                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>Trung tâm<br/>Phục vụ<br/>hành chính<br/>công</p> | Không | X | <p>- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</p> | X |  |

|                     |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                   |       |   |                                                                                                                                                                         |   |  |
|---------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|                     |                                      | <p>sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.</p> |                                   |       |   | <p>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.</p>               |   |  |
| <b>A2. Điện ảnh</b> |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                   |       |   |                                                                                                                                                                         |   |  |
| 15                  | Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <p>- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022.</p> <p>- Thông tư số 17/2022/TT-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> | X |  |

**A3. Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm**

|    |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                   |   |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 16 | Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao)<br>1.001833.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                             | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;<br>- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch        | X |  |
| 17 | Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>1.001809.000.00.00.H42                         | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                             | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.                                                                                                  | X |  |
| 18 | Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ<br>1.001778.000.00.00.H42           | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                             | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | -Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ.<br>-Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/1/2019 của Chính phủ .                                                         | X |  |
| 19 | Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng<br>1.001775.000.00.00.H42                                                        | - Thời hạn cấp giấy phép không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | -Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật<br>-Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | X |  |

|    |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                            |       |   |                                                                                 |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|---|---------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                                     | hoành tráng.<br>- Thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xin ý kiến bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cấp phép xây dựng đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng. |                                            |       |   |                                                                                 |   |  |
| 20 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>1.001738.000.00.00.H42           | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công | Không | X | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật | X |  |
| 21 | Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>1.001704.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công | Không | X | Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh. | X |  |

|    |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                   |       |   |                                                                                            |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 22 | Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>1.001671.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động Nhiếp ảnh             | X |  |
| 23 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại<br>1.001229.000.00.00.H42      | - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. | X |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  |  |  |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;</li> <li>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.</li> </ul> |  |  |  |  |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|

|    |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                            |       |   |                                                                                                  |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 24 | <p>Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại<br/>1.001211.000.00.00.H42</p> | <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không</p> | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công | Không | X | <p>Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm</p> | X |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|

|    |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                          |              |          |                                                                                                  |          |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|
|    |                                                                                                                                                         | <p>cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.</p> |                                          |              |          |                                                                                                  |          |  |
| 25 | <p>Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại 1.001191.000.00.00.H42</p> | <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ</p>                                                                                                                                                                                           | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>Không</p> | <p>X</p> | <p>Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm</p> | <p>X</p> |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển</p> |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|

|    |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                            |       |   |                                                                                           |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                                          | lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.                                                                                                                                                                                                                                                     |                                            |       |   |                                                                                           |   |  |
| 26 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại.<br>1.001182.000.00.00.H42 | - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công | Không | X | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm | X |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |  |  |  |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>chỉnh nội dung triển lãm;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.</p> |  |  |  |  |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|

|    |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                            |       |   |                                                                                                  |   |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 27 | <p>Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại<br/>1.001147.000.00.00.H42</p> | <p>-Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa và Thể thao không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo;<br/>-Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Sở Văn hóa và Thể thao không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo;</p> | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công | Không | X | <p>Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm</p> | X |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|

**A4. Nghệ thuật biểu diễn**

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                  |                                   |           |   |                                                                                                                                                               |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 28 | Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)<br>1.009397.000.00.00.H42 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phụ lục 1 | X | - Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | X |  |
| 29 | Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)<br>1.009398.000.00.00.H42             | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không     | X | Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.                                                                                          | X |  |

|                          |                                                                             |                                                                                                                                                                                               |                                   |       |   |                                                                                  |   |  |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|----------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 30                       | Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu<br>1.009399.000.00.00.H42     | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                              | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.             | X |  |
| 31                       | Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu<br>1.009403.000.00.00.H42 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                              | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.             | X |  |
| <b>A5. Văn hóa cơ sở</b> |                                                                             |                                                                                                                                                                                               |                                   |       |   |                                                                                  |   |  |
| 32                       | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh<br>1.003676.000.00.00.H42           | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                              | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | X |  |
| 33                       | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh<br>1.003654.000.00.00.H42         | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | X |  |

|    |                                                                                                                |                                                  |                                   |           |   |                                                                                                                                                            |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 34 | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh<br>1.001008.000.00.00.H42               | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phụ lục 2 | X | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | X |  |
| 35 | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường<br>1.001008.000.00.00.H42                      | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phụ lục 3 | X | -Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.  | X |  |
| 36 | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke<br>1.000963.000.00.00.H42   | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phụ lục 4 | X | -Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.  | X |  |
| 37 | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường<br>1.000922.000.00.00.H42 | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phụ lục 5 | X | -Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.  | X |  |

|    |                                                                                                                         |                                                  |                                   |                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 38 | Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn<br>1.004650.000.00.00.H42                    | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không                     | X | - Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012;<br>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013                                                                                                                                                                                                               | X |  |
| 39 | Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo<br>1.004645.000.00.00.H42                                              | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không                     | X | - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | X |  |
| 40 | Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam<br>1.004639.000.00.00.H42 | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 3.000.000 đồng/Giấy phép. | X | - Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012.<br>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.<br>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/1/2019 của Chính Phủ. | X |  |

|    |                                                                                                                                          |                                                  |                                   |                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 41 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam<br>1.004666.000.00.00.H42 | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.500.000 đồng/Giấy phép. | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/1/2019 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |
| 42 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam<br>1.004662.000.00.00.H42              | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.500.000 đồng/Giấy phép. | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính;</li> </ul>                                                                     | X |  |

**A6. Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa**

|    |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                      |                                            |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 43 | <p>Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao</p> <p>1.003784.000.00.00.H42</p> | <p>- 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Thời gian giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 ngày.</p> | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công | Không | X | <p>- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.</p> <p>- Nghị định số 131/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ.</p> | X |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|

|    |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                   |           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 44 | Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh<br>1.003743.000.00.00.H42 | Không quá 10 ngày làm việc kể Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không     | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li> <li>- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018</li> </ul> | X |  |
| 45 | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh<br>2.001496.000.00.00.H42                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phụ lục 6 | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính;</li> <li>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>                               | X |  |

[illegible]

|    |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |  |
|----|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 47 | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.</li> <li>- Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng và công bố 03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |
| 48 | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.</li> <li>- Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng và công bố 03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.</li> </ul>    | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                           |                                                                    |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 49 | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể | Căn cứ theo Kế hoạch xét tặng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Trung tâm Phục vụ hành chính công |       |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |
| 50 | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể    | Căn cứ theo Kế hoạch xét tặng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 51 | Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.</li> <li>- Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật được xét tặng và công bố 05 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |
| 52 | Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.</li> <li>- Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật được xét tặng và công bố 05 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.</li> </ul>    | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.</li> </ul> | X |  |

**A8. Thư viện**

|    |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                     |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 53 | Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam<br>1.008895.000.00.00.H42                           | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | -Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.<br><br>- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X |  |
| 54 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam<br>1.008896.000.00.00.H42 | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | -Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.<br>- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.     | X |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                       |                                                     |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                              |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 55 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam 1.008897.000.00.00.H42 | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.<br>- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|

**A9. Gia đình**

|    |                                                                                                                                                           |                                                  |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 56 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) 1.005441.000.00.00.H42 | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007.<br>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.<br>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|

|    |                                                                                                                                                                     |                                                  |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 57 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>1.001420.000.00.00.H42    | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                | X |  |
| 58 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>1.001407.000.00.00.H42        | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02.2009 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X |  |
| 59 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>2.001414.000.00.00.H42 | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007;<br>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;                                                                                           | X |  |

|    |                                                                                                                                                                         |                                                  |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                                                                         |                                                  |                                   |       |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>                                                                      |   |  |
| 60 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>1.000919.000.00.00.H42 | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>                                                                      | X |  |
| 61 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>1.000817.000.00.00.H42     | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02.2009 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                                         |                                                  |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 62 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình<br>1.000454.000.00.00.H42      | Không quy định                                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02.2009 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                                                     | X |  |
| 63 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình<br>1.000433.000.00.00.H42 | Không quy định                                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02.2009 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                                                     | X |  |
| 64 | Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình<br>1.000379.000.00.00.H42                  | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007;<br>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02.2009 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X |  |

|    |                                                                                            |                                                  |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 65 | Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình<br>1.000379.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007;</li> <li>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02.2009 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | X |  |
| 66 | Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình<br>2.000022.000.00.00.H42   | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007;</li> <li>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02.2009 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | X |  |

|                                                                           |                                                                                                                                                                                         |                                                  |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 67                                                                        | Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình<br>1.003310.000.00.00.H42                                                                                            | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007;</li> <li>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02.2009 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | X |  |
| <b>A10. Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</b> |                                                                                                                                                                                         |                                                  |                                   |       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |
| 68                                                                        | Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ.<br>1.004723.000.00.00.H42 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an;</li> <li>- Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ Công an;</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>                                                                | X |  |

**B. LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO**

|    |                                                                                                                                        |                                                  |                                   |           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 69 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp<br>1.002445.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phụ lục 8 | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> | X |  |
| 70 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao<br>1.002396.000.00.00.H42                                       | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phụ lục 8 | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> </ul>                                                                                                                                                   | X |  |

|    |                                                                                                                                                                              |                                                         |                                                      |           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                                                                              |                                                         |                                                      |           |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |
| 71 | <p>Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận</p> <p>1.003441.000.00.00.H42</p> | <p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Trung tâm<br/>Phục vụ<br/>hành chính<br/>công</p> | Phụ lục 8 | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                                                                                                    |                                                                |                                   |           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |   |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 72 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng<br>1.000983.000.00.00.H42                          | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ               | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phụ lục 8 | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.<br>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình. | X |  |
| 73 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức<br>1.002022.000.00.00.H42 | 10 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không     | X | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.                                                                                                                                                                                                                                                                      | X |  |

|    |                                                                                                                                                                        |                                                  |                                        |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                               |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 74 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức<br>1.002013.000.00.00.H42 | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công      | Không                                     | X | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.                                                                                                                                | X |  |
| 75 | Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương<br>1.001782.000.00.00.H42                                    | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công      | Không                                     | X | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                             | X |  |
| 76 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga<br>1.000953.000.00.00.H42                                                      | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công<br>C | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội. | X |  |

|    |                                                                                                                              |                                                         |                                          |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                              |                                                         |                                          |                                           |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |
| 77 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf</p> <p>1.000936.000.00.00.H42</p> | <p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>1.000.000đ/1 môn / giấy chứng nhận</p> | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                                                       |                                                  |                                   |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 78 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông<br>1.000920.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>-Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình. | X |  |
| 79 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taewondo<br>1.001195.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.                                                                                                                                                                                                                                         | X |  |

|    |                                                                                                                                   |                                                         |                                          |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                                   |                                                         |                                          |                                           |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |
| 80 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate</p> <p>1.000904.000.00.00.H42</p> | <p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>1.000.000đ/1 môn / giấy chứng nhận</p> | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                                                                  |                                                  |                                   |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 81 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn<br>1.000883.000.00.00.H42                  | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.<br>-Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>-Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình. | X |  |
| 82 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker<br>1.000863.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.                                                                                                                                                                                                                                        | X |  |

|    |                                                                                                                                  |                                                                       |                                          |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                                  |                                                                       |                                          |                                           |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |
| 83 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn</p> <p>1.000847.000.00.00.H42</p> | <p>07 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>1.000.000đ/1 môn / giấy chứng nhận</p> | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                                                                  |                                                  |                                   |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 84 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay<br>1.000830.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>-Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình. | X |  |
| 85 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao<br>1.000814.000.00.00.H42   | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.                                                                                                                                                                                                                                         | X |  |

|    |                                                                                                                                         |                                                         |                                          |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                                         |                                                         |                                          |                                           |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                              |   |  |
| 86 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ</p> <p>1.000644.000.00.00.H42</p> | <p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>1.000.000đ/1 môn / giấy chứng nhận</p> | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                                                                          |                                                  |                                   |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 87 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo<br>1.000842.000.00.00.H42                        | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>-Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình | X |  |
| 88 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness<br>1.005163.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.                                                                                                                                                                                                                                        | X |  |

|    |                                                                                                                              |                                                         |                                          |                                           |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                              |                                                         |                                          |                                           |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                 |   |  |
| 89 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng 2.002188.000.00.00.H42</p> | <p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>1.000.000đ/1 môn / giấy chứng nhận</p> | <p>X</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019.</li> <li>- Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                                                                       |                                                  |                                   |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 90 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí<br>1.000594.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>-Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình. | X |  |
| 91 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh<br>1.000560.000.00.00.H42                | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.                                                                                                                                                                                                                                         | X |  |

|    |                                                                                                                                               |                                                         |                                          |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                                               |                                                         |                                          |                                           |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                              |   |  |
| 92 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam</p> <p>1.000544.000.00.00.H42</p> | <p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>1.000.000đ/1 môn / giấy chứng nhận</p> | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                                                                 |                                                  |                                   |                                        |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 93 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Môn nước trên biển<br>1.001213.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn / giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>-Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình. | X |  |
| 94 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá<br>1.000518.000.00.00.H42            | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn / giấy chứng nhận | X | -Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.                                                                                                                                                                                                                                        | X |  |

|    |                                                                                                                                  |                                                         |                                          |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                                                  |                                                         |                                          |                                           |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |
| 95 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt</p> <p>1.000501.000.00.00.H42</p> | <p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | <p>1.000.000đ/1 môn / giấy chứng nhận</p> | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</li> <li>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> | X |  |

|    |                                                                                                                                         |                                                  |                                   |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 96 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin<br>1.000485.000.00.00.H42                      | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | <p>Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</p> | X |  |
| 97 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí<br>1.005357.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | <p>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p>                                                                                                                                                                                                                                         | X |  |

|     |                                                                                                                                |                                                  |                                   |                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|     |                                                                                                                                |                                                  |                                   |                                           |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính Phủ.</li> <li>- Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị quyết 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> |   |  |
| 98  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao<br>1.001801.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                                                                                       | X |  |
| 99  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném<br>1.001500.000.00.00.H42          | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                                                                                        | X |  |
| 100 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu<br>1.005162.000.00.00.H42             | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                                                                                        | X |  |

|     |                                                                                                                                |                                                  |                                   |                                           |   |                                                                                              |   |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 101 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao<br>1.001517.000.00.00.H42  | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  | X |  |
| 102 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ<br>1.001527.000.00.00.H42           | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | X |  |
| 103 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao<br>1.001056.000.00.00.H42 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000đ/<br>1 môn /<br>giấy chứng nhận | X | Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | X |  |

**B.THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

| STT                       | Tên thủ tục hành chính                                                           | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                       | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|                           |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                      |                            |                                                                      | Toàn trình              | Một phần |
| I. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                      |                            |                                                                      |                         |          |
| 1                         | Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm<br>2.000440.000.00.00.H42 | 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                   | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ . | X                       |          |
| 2                         | Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa<br>1.000933.000.00.00.H42          | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.<br>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng thi đua | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ . | X                       |          |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                             | Thời hạn giải quyết                                                                             | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                            | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|     |                                                                    |                                                                                                 |                    |                      |                            |                                                                                                           | Toàn trình              | Một phần |
|     |                                                                    | - khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa. |                    |                      |                            |                                                                                                           |                         |          |
| 3   | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện<br>1.003645.000.00.00.H42 | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                                                       | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | X                       |          |
| 4   | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội<br>1.003635.000.00.00.H42         | thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                                              | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | X                       |          |

## II. Lĩnh vực Thư viện

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                 | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                          |                                                     |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Toàn trình              | Một phần |
| 5   | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng<br>1.008899.000.00.00.H42 | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.</li> <li>- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | X                       |          |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                               | Thời hạn giải quyết                                 | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                     |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Toàn trình              | Một phần |
| 6   | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng<br>1.008898.000.00.00.H42 | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.</li> <li>- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | X                       |          |

| STT                           | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                 | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                              | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|                               |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                     |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                             | Toàn trình              | Một phần |
| 7                             | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng<br>1.008900.000.00.00.H42 | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.<br>- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X                       |          |
| <b>III. Lĩnh vực Gia đình</b> |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                     |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                             |                         |          |
| 8                             | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình<br>1.003243.000.00.00.H42                                                                                                                                       | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ    | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;<br>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 02/2010/TT-                                                       | X                       |          |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                 | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                        | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|     |                                                                                                                        |                                                  |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                       | Toàn trình              | Một phần |
|     |                                                                                                                        |                                                  |                    |                      |                            | BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                          |                         |          |
| 9   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình<br>1.003103.000.00.00.H42 | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X                       |          |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                             | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|     |                                                                                                                    |                                                  |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Toàn trình              | Một phần |
| 10  | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình<br>1.001874.000.00.00.H42 | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</li> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | X                       |          |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                 | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|     |                                                                                                                        |                                                  |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Toàn trình              | Một phần |
| 11  | Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình 1.003140.000.00.00.H42 | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | X                       |          |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                     | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|     |                                                                                                                            |                                                  |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Toàn trình              | Một phần |
| 12  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình 1.003226.000.00.00.H42 | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>                                                                                | X                       |          |
| 13  | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình 1.003185.000.00.00.H42     | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | UBND cấp huyện     | Không                | X                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | X                       |          |

**C.THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

| STT                       | Tên thủ tục hành chính                                                         | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                            | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|                           |                                                                                |                                                  |                    |                      |                            |                                                                                                           | Toàn trình              | Một phần |
| I. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở |                                                                                |                                                  |                    |                      |                            |                                                                                                           |                         |          |
| 1                         | Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm<br>1.000954.000.00.00.H42 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | UBND cấp xã        | Không                | X                          | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ                                        | X                       |          |
| 2                         | Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa<br>1.001120.000.00.00.H42          | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | UBND cấp xã        | Không                | X                          | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ                                        | X                       |          |
| 3                         | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã<br>1.003622.000.00.00.H42              | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ          | UBND cấp xã        | Không                | X                          | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | X                       |          |

| STT                   | Tên thủ tục hành chính                                                                                         | Thời hạn giải quyết                                 | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                             | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|                       |                                                                                                                |                                                     |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                            | Toàn trình              | Một phần |
| II .Lĩnh vực Thư viện |                                                                                                                |                                                     |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |                         |          |
| 4                     | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng<br>1.008901.000.00.00.H42                      | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | UBND cấp xã        | Không                | X                          | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.<br>- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ.<br>-Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X                       |          |
| 5                     | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng<br>1.008902.000.00.00.H42 | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | UBND cấp xã        | Không                | X                          | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.<br>- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ.<br>-Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X                       |          |

| STT                                    | Tên thủ tục hành chính                                                            | Thời hạn giải quyết                                 | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                              | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|                                        |                                                                                   |                                                     |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                             | Toàn trình              | Một phần |
| 6                                      | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng<br>1.008901.000.00.00.H42 | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | UBND cấp xã        | Không                | X                          | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.<br>- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | X                       |          |
| <b>III . Lĩnh vực Thể dục thể thao</b> |                                                                                   |                                                     |                    |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                                             |                         |          |
| 7                                      | Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở<br>2.000794.000.00.00.H42                     | 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ     | UBND cấp xã        | Không                | X                          | - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006.<br>- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ .<br>- Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.      | X                       |          |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số         /QĐ-UBND ngày         / 02 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

| TT                       | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                       | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                            | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>LĨNH VỰC VĂN HÓA</b>  |                          |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>A. Di sản văn hóa</b> |                          |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1                        | 2.001631.000.00.00.H42   | Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia                                                                                                             | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 2                        | 1.003838.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                              | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | 2.001613.000.00.00.H42   | Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập. | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 4  | 1.003793.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập                             | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 5  | 2.001591.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp                                            | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                 | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | 1.003738.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia                                                               | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 7  | 1.003646.000.00.00.H42   | Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích                                       | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 8  | 1.003835.000.00.00.H42   | Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                   | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9  | 1.001106.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  |
| 10 | 1.001123.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 11 | 1.001822.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích                            | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                        | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|--------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | 1.002003.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích             | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 13 | 1.003901.000.00.00.H42   | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích      | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 14 | 2.001641.000.00.00.H42   | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích. | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |

| TT                 | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|--------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>B. Điện ảnh</b> |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 15                 | 1.003035.000.00.00.H42   | Cấp giấy phép phổ biến phim<br>(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;<br>- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi nằm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:<br>+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;<br>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến) | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 16                 | 1.003017.000.00.00.H42   | Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)                                                                                                                                                                                                                                             | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |

| TT                                         | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                             | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>C. Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm</b> |                          |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 17                                         | 1.001833.000.00.00.H42   | Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao) | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 18                                         | 1.001809.000.00.00.H42   | Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật                                                                   | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  |
| 19                                         | 1.001778.000.00.00.H42   | Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ           | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  |

| <b>TT</b> | <b>Mã số thủ tục hành chính</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                           | <b>Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                    | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20        | 1.001775.000.00.00.H42          | Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 21        | 1.001738.000.00.00.H42          | Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc           | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 22        | 1.001704.000.00.00.H42          | Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 23 | 1.001671.000.00.00.H42   | Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm                                              | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 24 | 1.001229.000.00.00.H42   | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 25 | 1.001211.000.00.00.H42   | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại             | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                    | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          |                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                             | địa bàn tỉnh Ninh Bình                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 26 | 1.001191.000.00.00.H42   | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 27 | 1.001182.000.00.00.H42   | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại.            | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 28 | 1.001147.000.00.00.H42   | Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại      | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm                                                                          | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền                                                                                                |

| TT                             | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                    | giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình                                                                                                                                                                              |
| <b>D. Nghệ thuật biểu diễn</b> |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 29                             | 1.009397.000.00.00.H42   | Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương). | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 30                             | 1.009398.000.00.00.H42   | Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc                                                                                                        | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa,                     | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên                        |

| TT                      | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                              | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         |                          | Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật trung ương) | Thể thao và Du lịch                                                                                                                                                                                         | địa bàn tỉnh Ninh Bình                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 31                      | 1.009399.000.00.00.H42   | Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu                                       | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 32                      | 1.009403.000.00.00.H42   | Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu                                   | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| <b>Đ. Văn hóa cơ sở</b> |                          |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 33                      | 1.003676.000.00.00.H42   | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội                                                      | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và                                                                                                                                   | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh                                                                                                                                                                       |

| <b>TT</b> | <b>Mã số thủ tục hành chính</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                 | <b>Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                    | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                 |                                                               | Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                           | Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình                                                                                                       |
| 34        | 1.003654.000.00.00.H42          | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội                              | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 35        | 1.001029.000.00.00.H42          | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                               | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 36 | 1.001008.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường                      | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 37 | 1.000963.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke   | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 38 | 1.000922.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                  | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                             | địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 39 | 1.004659.000.00.00.H42   | Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 40 | 1.004650.000.00.00.H42   | Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn                              | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 41 | 1.004645.000.00.00.H42   | Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo                                                        | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm                                                                          | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền                                                                                                 |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                         | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          |                                                                                                                | 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                    | giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                                                                                              |
| 42 | 1.004639.000.00.00.H42   | Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam                  | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 43 | 1.004666.000.00.00.H42   | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 44 | 1.004662.000.00.00.H42   | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam              | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm                                                                          | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền                                                                                                 |

| TT                                                                   | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                             | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                      |                          |                                                                                                                    | 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                    | giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                                                                                              |
| <b>E. Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh</b> |                          |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 45                                                                   | 1.003784.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 46                                                                   | 1.003743.000.00.00.H42   | Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh              | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 47                                                                   | 2.001496.000.00.00.H42   | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh                                | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ                                                                                                       | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh                                                                                                                                                                        |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                        | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          |                                                                                               | tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                       | Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                       |
| 48 | 1.003608.000.00.00.H42   | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh                               | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 49 | 1.003560.000.00.00.H42   | Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT                 | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>G. Thư viện</b> |                          |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 50                 | 1.008895.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam                           | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 51                 | 1.008896.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT                                                                      | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                         | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 52                                                                      | 1.008897.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| <b>H. Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</b> |                          |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 53                                                                      | 1.004723.000.00.00.H42   | Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ.                                  | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT                               | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO</b> |                          |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1                                | 1.002445.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp                            | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 2                                | 1.002396.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao                                                                  | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 3                                | 1.003441.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức                                                  | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao,                                                          |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                       | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          |                                                                                                                                              | năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                                            | UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                                                                                                                                     |
| 4  | 1.000983.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng                              | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 5  | 1.002022.000.00.00.H42   | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 6  | 1.002013.000.00.00.H42   | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                    | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7  | 1.001782.000.00.00.H42   | Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 8  | 1.000953.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga                   | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 9  | 1.000936.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf                   | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 10 | 1.000920.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối                                | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và                                                                                                                                   | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh                                                                                                                                                                        |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                       | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          | với môn Cầu lông                                                                             | Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                           | Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                       |
| 11 | 1.001195.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taewondo  | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 12 | 1.000904.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 13 | 1.000883.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn        | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức                                                  | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao,                                                          |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                 | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          |                                                                                                        | năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                                            | UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                                                                                                                                     |
| 14 | 1.000863.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 15 | 1.000847.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn            | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 16 | 1.000830.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                               | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | 1.000814.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 18 | 1.000644.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ   | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 19 | 1.000842.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo              | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                         | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20 | 1.005163.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 21 | 2.002188.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng                 | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 22 | 1.000594.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí    | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                   | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 23 | 1.000560.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh             | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 24 | 1.000544.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 25 | 1.001213.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển  | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                      | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 26 | 1.000518.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá  | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 27 | 1.000501.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 28 | 1.000485.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin    | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                        | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 29 | 1.005357.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 30 | 1.001801.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao          | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 31 | 1.001500.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném                   | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                              | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 32 | 1.005162.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu            | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 33 | 1.001517.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 34 | 1.001527.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ          | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT                            | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                               | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 35                            | 1.001056.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| <b>III. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH</b> |                          |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1                             | 1.005441.000.00.00.H42   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 2                             | 1.001420.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình         | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                              | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | 1.001407.000.00.00.H42   | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình            | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 4  | 2.001414.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 5  | 1.000919.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                          | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | 1.000817.000.00.00.H42   | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 7  | 1.000454.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình                        | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 8  | 1.000433.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                   | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 9  | 1.000379.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực                                             | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và                                                                                                                                   | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh                                                                                                                                                                        |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                             | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          | gia đình                                                           | Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                           | Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                       |
| 10 | 1.000379.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình   | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 11 | 2.000022.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 12 | 1.003310.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức                                                  | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao,                                                          |

| <b>TT</b> | <b>Mã số thủ tục hành chính</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b> | <b>Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính</b> | <b>Ghi chú</b>                                           |
|-----------|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|           |                                 |                               | năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch         | UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

**II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

| <b>TT</b>                     | <b>Mã số thủ tục hành chính</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                       | <b>Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính</b>                                                                                                                 | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lĩnh vực văn hóa cơ sở</b> |                                 |                                                                                                                     |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1                             | 1.004648.000.00.00.H42          | Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 2                             | 2.000440.000.00.00.H42          | Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm                                                              | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                         | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | 1.000933.000.00.00.H42   | Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa                  | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 4  | 1.004646.000.00.00.H42   | Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 5  | 1.004644.000.00.00.H42   | Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và                                                                    |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                 | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          |                                                                        |                                                                                                                                                                          | Thẻ thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                                                                                                                           |
| 6  | 1.004634.000.00.00.H42   | Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 7  | 1.004622.000.00.00.H42   | Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT                          | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                 | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8                           | 1.003645.000.00.00.H42   | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội                                                                                                                         | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 9                           | 1.003635.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội.                                                                                                                      | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| <b>II.Lĩnh vực Thư viện</b> |                          |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 10                          | 1.008898.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn                           | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục                                                                                                                             |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                     | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          | ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng                                                                                                                                                                                    | hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                | hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                                                                  |
| 11 | 1.008898.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 12 | 1.008900.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng             | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT          | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                       | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>III.</b> | <b>Lĩnh vực Gia đình</b> |                                                                                              |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 13          | 1.003243.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 14          | 1.003103.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 15          | 1.001874.000.00.00.H42   | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm                                                           | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về                                                                                                                                                           |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                              | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          |                                                                                                     | vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                | việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.                                                                                                                    |
| 16 | 1.003140.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 17 | 1.003226.000.00.00.H42   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                          | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 18 | 1.003185.000.00.00.H42   | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

### III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

| TT                            | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                               | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lĩnh vực văn hóa cơ sở</b> |                          |                                                      |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1                             | 1.000954.000.00.00.H42   | Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 2                             | 1.001120.000.00.00.H42   | Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa          | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT                       | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                               | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3                        | 1.003622.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã                                              |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Lĩnh vực thư viện</b> |                          |                                                                                      |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 4                        | 1.008901.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng                      | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 5                        | 1.008902.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |

| TT                                     | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                  | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6                                      | 1.008901.000.00.00.H42   | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| <b>III . Lĩnh vực Thể dục thể thao</b> |                          |                                                         |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 7                                      | 2.000794.000.00.00.H42   | Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở                     | Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 249/QĐ - UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |